TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 661/2019/QĐST-VDS	*Thủ Dầu Một, ngày 11 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG.

Căn cứ vào các điều 149, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51, 54, 55, 57, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 661/2019/TB-TA, ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Thanh H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Tổ 54, Khu phố 6, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Tổ 54, Khu phố 6, phường Định Hòa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị Kim T là vợ chồng, đăng ký kết hôn ngày 13/8/2003 tại UBND xã P, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh B. Ông H và bà T đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông H và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông H và bà T thỏa thuận giao con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 05/12/2005 cho ông Hòa trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung là Trần Quốc S, sinh ngày 14/7/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Người yêu cầu chịu theo quy định tại Điều của 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thỏa thuận nêu trên của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản thỏa thuận về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn ngày 03/12/2019 của Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân thành phố T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Tòa án công nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị Kim T thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày ban hành quyết định này, giấy chứng nhận kết hôn số 119, quyển số 01/2003 ngày 13/8/2003 của UBND xã P, huyện (nay là thị xã) T, tỉnh B cấp cho ông H và bà T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Đăng K, sinh ngày 05/12/2005 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng.

Đối với con chung là Trần Quốc S, sinh ngày 14/7/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng và nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom con để gây khó khăn, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung đối với người không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung là cháu Trần Đăng K, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Thanh H và bà Phạm Thị Kim T mỗi người nộp số tiền là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016- 0041114 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND xã P;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hoa Hạnh